



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số

179/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003
58/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 3 năm 2005
766/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 12 năm 2006
253/QĐ-UBCK	ngày 5 tháng 4 năm 2007
16/UBCK-GP	ngày 23 tháng 6 năm 2008
45/UBCK-GP	ngày 8 tháng 1 năm 2009
63/UBCK-GP	ngày 24 tháng 2 năm 2010
73/UBCK-GP	ngày 24 tháng 6 năm 2010
79/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2010
361/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 4 năm 2012
36/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 5 năm 2012
17/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 6 năm 2013
06/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 1 năm 2019
88/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 12 năm 2020

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Ban Giám đốc

Ông Dominic Scriven	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Tân	Phó Chủ tịch
Ông Beat Schurch	Thành viên (từ ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Lê Anh Minh	Thành viên (từ ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Nguyễn Quốc Huân	Thành viên (từ ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Bà Lương Thị Mỹ Hạnh	Thành viên (đến ngày 30 tháng 12 năm 2020)
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên (đến ngày 30 tháng 12 năm 2020)

Hội đồng Quản trị

Ông Beat Schurch	Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 12 năm 2020)
Bà Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Túy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Võ Trần Đình Hiếu	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên

042-
NH
TY
PN
HỒ H

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

17/ 2025 / 331

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00304-21-1



Auvarin Phor
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		179.270.802.640	291.379.225.284
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	117.317.339.520	39.707.409.422
Tiền	111		3.317.339.520	1.907.409.422
Các khoản tương đương tiền	112		114.000.000.000	37.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.441.983.318	205.451.619.117
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	41.441.983.318	205.451.619.117
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.508.320.819	42.902.306.497
Phải thu khách hàng	131		-	19.892.371.995
Trả trước cho người bán	132		-	11.871.650.500
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	12.028.125.304	7.841.654.107
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	4.480.195.515	3.296.629.895
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.003.158.983	3.317.890.248
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	4.003.158.983	3.317.890.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		150.301.008.873	17.809.821.777
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.106.223.200	1.109.223.200
Phải thu dài hạn khác	218		1.106.223.200	1.109.223.200
Tài sản cố định	220		15.137.413.340	10.880.420.176
Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.872.643.331	2.776.849.056
<i>Nguyên giá</i>	222		11.769.433.768	13.612.988.187
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.896.790.437)	(10.836.139.131)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.755.510.982	8.012.571.120
<i>Nguyên giá</i>	228		13.687.298.596	14.483.084.611
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.931.787.614)	(6.470.513.491)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.509.259.027	91.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	130.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		130.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.057.372.333	5.820.178.401
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	276.322.229	919.826.108
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	3.781.050.104	4.900.352.293
Tài sản dài hạn khác	268	14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		329.571.811.513	309.189.047.061

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
 (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		19.226.193.255	23.127.712.299
Nợ ngắn hạn	310		19.226.193.255	23.127.712.299
Phải trả người bán	312	15	3.650.789.884	1.355.335.664
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.031.177.248	4.766.682.299
Chi phí phải trả	316	17	8.905.250.520	14.892.366.977
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.638.975.603	2.113.327.359
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		310.345.618.258	286.061.334.762
Vốn cổ phần	411	18	214.772.030.000	214.772.030.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.690.000.000)	(60.690.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.285.180.398	12.070.966.223
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.246.907.080	4.032.692.905
Lợi nhuận chưa phân phối	420		137.731.500.780	115.875.645.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		329.571.811.513	309.189.047.061

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	24	90.571.658.131	92.291.195.197
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	20.652.318.422	15.638.915.346
Chi phí tài chính	22	26	14.550.997.388	15.605.603.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	70.898.673.152	85.243.611.766
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		25.774.306.013	7.080.895.610
Thu nhập khác	31	28	3.000.525.000	91.853.226
Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		3.000.525.000	91.853.226
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28.774.831.013	7.172.748.836
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.371.245.328	3.524.057.422
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	1.119.302.189	(1.868.200.322)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		24.284.283.496	5.516.891.736
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.131	257

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beát Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01		86.385.186.934	92.870.502.205
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(29.745.592.434)	(32.686.728.134)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.798.733.167)	(29.563.269.025)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	16	(4.273.720.771)	(13.922.881.248)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		817.655.492	3.610.075.762
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.780.731.550)	(14.812.089.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.604.064.504	5.495.609.846
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.889.006.285)	(4.279.478.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		400.000.000	-
Tiền chi mua các công cụ nợ	23		(271.123.909.410)	(365.072.564.170)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24		230.324.233.182	258.635.234.390
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25		(3.640.000)	(135.189.868.072)
Tiền thu từ thanh lý cổ phiếu	26		105.287.753.339	133.681.459.540
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27		8.010.434.768	6.929.583.794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		70.005.865.594	(105.295.632.518)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
 (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50		77.609.930.098	(99.800.022.672)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	39.707.409.422	139.507.432.094
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	117.317.339.520	39.707.409.422

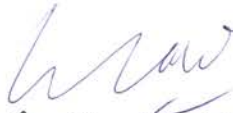
Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


12-6
HÁ
TY
M
HỒ

Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mẫu B05 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	229.512.030.000	(60.690.000.000)	(14.740.000.000)	11.795.121.636	3.756.848.318	110.910.443.072	280.544.443.026
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	5.516.891.736	5.516.891.736
Hủy cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 20(i))	(14.740.000.000)	-	14.740.000.000	-	-	-	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	275.844.587	-	(275.844.587)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	275.844.587	(275.844.587)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	214.772.030.000	(60.690.000.000)	-	12.070.966.223	4.032.692.905	115.875.645.634	286.061.334.762
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	24.284.283.496	24.284.283.496
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.214.214.175	-	(1.214.214.175)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.214.214.175	(1.214.214.175)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	214.772.030.000	(60.690.000.000)	-	13.285.180.398	5.246.907.080	137.731.500.780	310.345.618.258

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:

 Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 88/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2020, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn cổ phần của Công ty là 214.772 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 47 nhân viên (31/12/2019: 47 nhân viên) trong đó có 19 nhân viên quản lý cấp cao, 1 nhân viên mới tuyển dụng, 1 nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên vi phạm kỷ luật (31/12/2019: 18 nhân viên quản lý cấp cao, 9 nhân viên mới tuyển dụng, 7 nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên vi phạm kỷ luật).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 17 nhân viên (31/12/2019: 15 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá chứng khoán thực tế tại các Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”)), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trong trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế trên thị trường của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá thực tế trên thị trường của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động được tính theo năm công tác và bồi thường của nhân viên khi thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được cung cấp dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán năm. Nhằm xác định số năm làm việc của người lao động, thời gian người lao động tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và thời gian Công ty đã trả trợ cấp thôi việc.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư 146, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được dùng để bổ sung vốn cổ phần của Công ty theo quyết định của cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần để chi trả cổ tức.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(i) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ đầu tư và danh mục đầu tư, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Tiền mặt	135.923.687	139.180.079
Tiền gửi ngân hàng	3.181.415.833	1.768.229.343
Các khoản tương đương tiền (*)	114.000.000.000	37.800.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>117.317.339.520</u>	<u>39.707.409.422</u>

- (*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 3,20% đến 3,90% (31/12/2019: từ 5,00% đến 5,50%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	15.655.640.000	99.761.559.753
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	25.786.343.318	105.690.059.364
	<u>41.441.983.318</u>	<u>205.451.619.117</u>



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020				31/12/2019			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-
▪ FFMVF1	-	-	-	-	1.148.222	40.241.164.388	46.790.142.901	-
▪ FFMVF4	-	-	-	-	2.886.489	43.868.395.365	50.617.012.999	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-
▪ THA	655.200	15.655.640.000	17.690.400.000	-	364.000	15.652.000.000	15.652.000.000	-
		15.655.640.000	17.690.400.000	-		99.761.559.753	113.059.155.900	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ 31/12/2020 VND	Số lượng	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ 31/12/2019 VND
Trái phiếu chưa niêm yết	260	25.786.343.318	30.000	3.000.000.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	525.000	52.690.059.364
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	50	50.000.000.000
	260	25.786.343.318	555.050	105.690.059.364

Đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết có thời hạn còn lại dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất 11,00%/năm.

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán – các bên liên quan (Thuyết minh 30) (*):	11.518.941.343	6.785.397.890
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF VFMVN30	3.919.072.787	3.558.834.275
▪ FUEVFNND - Quỹ ETF VFMVN DIAMOND	2.974.769.149	-
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc (trước đây là VFMVEI – Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam)	1.774.754.218	32.651.691
▪ VFMVF4 - Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam	991.444.944	1.104.785.637
▪ VFMVF1 - Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam	945.051.941	1.390.468.450
▪ VFMVFB - Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam	908.681.562	618.045.328
▪ VFMVFC - Quỹ đầu tư Định hướng Bảo toàn Vốn Việt Nam	5.166.742	80.612.509
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư:	509.183.961	1.056.256.217
<i>Các nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>		
▪ D001	-	174.160.709
▪ D004	-	407.084.017
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước khác	152.514.461	107.777.351
<i>Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>		
▪ F001	356.669.500	50.880.500
▪ Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài khác	-	316.353.640
	12.028.125.304	7.841.654.107

(*) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	3.775.013.699	377.669.590
Tạm ứng cho nhân viên	391.806.476	199.999.672
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	252.410.959	2.666.712.329
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	60.964.381	45.013.699
Phải thu khác	-	7.234.605
	4.480.195.515	3.296.629.895

8. Tài sản cố định hữu hình

2020	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.475.228.523	1.137.759.664	13.612.988.187
Tăng trong năm	1.086.292.300	2.598.500.000	3.684.792.300
Xóa sổ	(4.390.587.055)	-	(4.390.587.055)
Thanh lý	-	(1.137.759.664)	(1.137.759.664)
Số dư cuối năm	9.170.933.768	2.598.500.000	11.769.433.768
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.698.379.467	1.137.759.664	10.836.139.131
Khấu hao trong năm	1.192.034.718	396.993.056	1.589.027.774
Xóa sổ	(4.390.616.804)	-	(4.390.616.804)
Thanh lý	-	(1.137.759.664)	(1.137.759.664)
Số dư cuối năm	6.499.797.381	396.993.056	6.896.790.437
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.776.849.056	-	2.776.849.056
Số dư cuối năm	2.671.136.387	2.201.506.944	4.872.643.331

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2019	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.302.564.123	1.137.759.664	11.440.323.787
Tăng trong năm	2.172.664.400	-	2.172.664.400
<hr/>			
Số dư cuối năm	12.475.228.523	1.137.759.664	13.612.988.187
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.690.718.051	1.137.759.664	9.828.477.715
Khấu hao trong năm	1.007.661.416	-	1.007.661.416
<hr/>			
Số dư cuối năm	9.698.379.467	1.137.759.664	10.836.139.131
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.611.846.072	-	1.611.846.072
Số dư cuối năm	2.776.849.056	-	2.776.849.056
<hr/>			

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 5.130.670.818 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (31/12/2019: 8.562.260.541 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2020	2019
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	14.483.084.611	12.017.271.011
Tăng trong năm	197.546.875	2.015.813.600
Xóa sổ	(1.449.019.765)	-
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	455.686.875	450.000.000
Số dư cuối năm	13.687.298.596	14.483.084.611
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.470.513.491	4.782.822.396
Khấu hao trong năm	1.910.293.888	1.687.691.095
Xóa sổ	(1.449.019.765)	-
Số dư cuối năm	6.931.787.614	6.470.513.491
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	8.012.571.120	7.234.448.615
Số dư cuối năm	6.755.510.982	8.012.571.120

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 2.502.818.046 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (31/12/2019: 3.051.745.811 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	91.000.000	450.000.000
Tăng trong năm	3.873.945.902	91.000.000
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(455.686.875)	(450.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.509.259.027	91.000.000

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phần mềm quản lý đầu tư	3.509.259.027	-
Phần mềm trang mạng	-	91.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.509.259.027	91.000.000

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc/Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-
Chứng chỉ tiền gửi (i)		
▪ Công ty TNHH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	30.000.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết (ii)		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	70.000.000.000	-
Trái phiếu niêm yết (iii)		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Kinh Bắc	30.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	130.000.000.000	-

- (i) Các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi sẽ đáo hạn vào ngày 24 tháng 11 năm 2023 và được hưởng lãi suất 8,30% mỗi năm.
- (ii) Các khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 6 năm 2022 và nhận lãi suất 12,00% mỗi năm.
- (iii) Các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 1 năm 2022 và nhận lãi suất 11,00% mỗi năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Chi phí thuê	3.196.331.034	2.337.721.913
Chi phí bảo hiểm	353.259.821	423.537.848
Chi phí trả trước khác	453.568.128	556.630.487
	4.003.158.983	3.317.890.248

(b) Chi phí trả trước dài hạn

2020	Công cụ và dụng cụ VND		
Số dư đầu năm			919.826.108
Tăng trong năm			203.631.483
Phân bổ trong năm			(847.135.362)
			276.322.229
			276.322.229
2019	Phí hội viên câu lạc bộ gôn VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	28.181.750	897.453.461	925.635.211
Tăng trong năm	-	775.851.200	775.851.200
Phân bổ trong năm	(28.181.750)	(753.478.553)	(781.660.303)
			919.826.108
Số dư cuối năm	-	919.826.108	919.826.108
			919.826.108

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	3.781.050.104	4.900.352.293

14. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác với số tiền là 10.000 triệu VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan theo Hợp đồng 2407.

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã đánh giá và trích lập 100% dự phòng đối với tài sản này (31/12/2019: 100%).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Shoreline Consulting Pte	3.509.259.027	3.509.259.027	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất & Ứng dụng Công nghệ	-	-	580.000.000	580.000.000
Công ty TNHH Bualuang Securities Public	-	-	543.935.684	543.935.684
Công ty TNHH KPMG	-	-	162.800.000	162.800.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	2.600.000	2.600.000
Các nhà cung cấp khác	141.530.857	141.530.857	65.999.980	65.999.980
	3.650.789.884	3.650.789.884	1.355.335.664	1.355.335.664

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.827.076.499	3.371.245.328	(4.273.720.771)	2.924.601.056
Thuế thu nhập cá nhân	935.921.885	6.939.886.004	(6.770.210.455)	1.105.597.434
Thuế nhà thầu nước ngoài	14.231.959	582.006.234	(584.711.391)	11.526.802
Các loại thuế khác	(10.548.044)	663.852.940	(663.852.940)	(10.548.044)
	4.766.682.299	11.556.990.506	(12.292.495.557)	4.031.177.248



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền thưởng theo thành tích	5.510.322.393	10.894.988.141
Phí tư vấn	2.206.850.000	2.206.850.000
Lương và thưởng theo hiệu quả công việc	349.077.656	1.124.923.324
Phí đại lý	337.300.471	-
Phí giới thiệu	67.200.000	344.428.618
Chi phí khác	434.500.000	321.176.894
	8.905.250.520	14.892.366.977

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	21.477.203	214.772.030.000	21.477.203	214.772.030.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	21.477.203	214.772.030.000	21.477.203	214.772.030.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	31/12/2020		
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	10.713.519	107.135.190.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	10.133.684	101.336.840.000	47,18
▪ Các cá nhân khác	420.000	4.200.000.000	1,96
▪ Nhân viên công ty	210.000	2.100.000.000	0,98
	21.477.203	214.772.030.000	100,00



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	31/12/2019		
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Investment Management	8.466.952	84.669.520.000	39,42
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	5.133.684	51.336.840.000	23,90
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	3.211.567	32.115.670.000	14,96
▪ Nhân viên công ty	20.000	200.000.000	0,09
▪ Các cá nhân khác	4.645.000	46.450.000.000	21,63
	21.477.203	214.772.030.000	100,00

Công ty TNHH Dragon Capital Investment Management, Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe) và Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK) được thành lập lần lượt tại Quần đảo Cayman, Vương quốc Anh và Hồng Kông. Công ty TNHH Dragon Capital Group, công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, được thành lập tại Quần đảo Virgin thuộc Anh.

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu do Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), tất cả các quyền bị đình chỉ cho đến khi cổ phiếu đó được phát hành lại.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Trong vòng một năm	1.741.656.000	4.826.790.088
Trong vòng hai đến năm năm	-	2.088.561.855
	1.741.656.000	6.915.351.943

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		31/12/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	322	7.466.408	361	8.024.513

20. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D003 (iii)	745.915.531	541.678.669
D002 (ii)	76.425.440	724.956.267
DCVFM đứng tên		
D001 (i)	-	1.917.438.920
D004 (iv)	-	147.399.414
	822.340.971	3.331.473.270
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
DCVFM đứng tên		
F001 (v)	444.261.427	467.772.679
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài khác (vi)	-	141.017.216
	444.261.427	608.789.895
	1.266.602.398	3.940.263.165

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) D001

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.917.438.920	586.237.993
Tăng trong năm	3.759.066.674	3.743.355.738
<i>Nhận tiền từ thanh lý chứng khoán</i>	3.757.957.500	3.551.786.174
<i>Thu nhập lãi nhận được</i>	986.999	-
<i>Tăng khác</i>	122.175	191.569.564
Giảm trong năm	(5.676.505.594)	(2.412.154.811)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(2.390.371.587)
<i>Tiền rút vốn của nhà đầu tư ủy thác</i>	(5.481.687.136)	-
<i>Giảm khác</i>	(194.818.458)	(21.783.224)
Số dư cuối năm	-	1.917.438.920

(ii) D002

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	724.956.267	-
Tăng trong năm	78.568.948.868	79.909.515.124
<i>Nhận tiền từ bán chứng chỉ tiền gửi</i>	7.000.000.000	37.085.294.523
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	8.802.140.500	40.364.989.900
<i>Thu nhập lãi nhận được</i>	3.065.023.688	-
<i>Nhận tiền từ thanh lý chứng khoán</i>	3.200.959.680	2.083.203.276
<i>Thu tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	56.500.000.000	-
<i>Tăng khác</i>	825.000	376.027.425
Giảm trong năm	(79.217.479.695)	(79.184.558.857)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(61.200.000.000)	(37.000.000.000)
<i>Thanh toán mua chứng chỉ tiền gửi</i>	-	(24.865.190.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(17.258.495.438)	(17.139.998.390)
<i>Giảm khác</i>	(758.984.257)	(179.370.467)
Số dư cuối năm	76.425.440	724.956.267

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) D003

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	541.678.669	-
Tăng trong năm	24.485.006.362	13.769.064.666
<i>Nhận tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	7.700.000.000	-
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	12.118.838.900	11.216.014.783
<i>Nhận tiền từ bán chứng chỉ tiền gửi</i>	4.386.881.841	2.009.212.329
<i>Tăng khác</i>	279.285.621	543.837.554
Giảm trong năm	(24.280.769.500)	(13.227.385.997)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(15.158.713.790)	(10.573.895.088)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(8.600.000.000)	(2.500.000.000)
<i>Giảm khác</i>	(522.055.710)	(153.490.909)
Số dư cuối năm	745.915.531	541.678.669

(iv) D004

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	147.399.414	25.299.900.000
Tăng trong năm	58.745.444.484	128.509.876.357
<i>Nhận tiền từ rút chứng chỉ tiền gửi</i>	-	80.179.421.917
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	50.158.522.155	47.420.020.848
<i>Nhận tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	8.000.000.000	-
<i>Tăng khác</i>	586.922.329	910.433.592
Giảm trong năm	(58.892.843.898)	(153.662.376.943)
<i>Rút vốn đầu tư của bên ủy thác</i>	(32.251.436.459)	(88.000.000.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(25.781.118.760)	(65.544.490.662)
<i>Giảm khác</i>	(860.288.679)	(117.886.281)
Số dư cuối năm	-	147.399.414

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(v) F001

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	467.772.679	24.147.349.175
Tăng trong năm	922.887	22.442.536.846
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	22.415.869.000
<i>Tăng khác</i>	922.887	26.667.846
Giảm trong năm	(24.434.139)	(46.122.113.342)
<i>Tiền rút vốn của nhà đầu tư ủy thác</i>	-	(43.000.000.000)
<i>Nộp thuế chuyển nhượng</i>	-	(1.961.253.800)
<i>Giảm khác</i>	(24.434.139)	(1.160.859.542)
Số dư cuối năm	444.261.427	467.772.679

(vi) Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài khác

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	141.017.216	142.206.957
Tăng trong năm	951.286.794	190.639.969.641
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	949.325.000	189.094.500.000
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	1.544.106.834
<i>Tăng khác</i>	1.961.794	1.362.807
Giảm trong năm	(1.092.304.010)	(190.641.159.382)
<i>Tiền rút vốn của nhà đầu tư ủy thác</i>	(812.519.985)	(189.094.500.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	-
<i>Giảm khác</i>	(279.784.025)	(1.546.659.382)
Số dư cuối năm	-	141.017.216



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

21. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	73.566.497.082	85.223.534.939
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	21.332.133.043	10.130.027.114
Trái phiếu niêm yết	16.788.745.313	14.759.742.750
Chứng chỉ tiền gửi	14.500.000.000	21.531.357.123
Trái phiếu chưa niêm yết	11.845.618.726	-
Tiền gửi có kỳ hạn	9.100.000.000	11.500.000.000
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	-	27.302.407.952
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	15.359.666.703	87.386.745.195
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.359.666.703	87.386.745.195
	<hr/>	<hr/>
	88.926.163.785	172.610.280.134
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

Cổ phiếu niêm yết	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2020		31/12/2019		Dự phòng giảm giá VND
				Giá thị trường VND	Giá gốc VND	Số lượng	Giá thị trường VND	
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên								
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	TCB	20.000	460.131.953	630.000.000	-	14.400	314.651.270	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	10.704	295.483.457	315.768.000	-	7.685	219.829.250	(8.491.750)
▪ Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	FPT	39.000	1.932.397.500	2.304.900.000	-	12.100	645.749.173	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	MWG	12.000	1.299.172.134	1.426.800.000	-	6.000	709.233.257	(25.233.257)
▪ Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ	11.000	880.425.583	891.000.000	-	5.400	457.795.665	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	11.272	203.873.908	259.256.000	-	18.002	374.427.473	-
▪ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	ACB	25.000	558.970.360	702.500.000	-	6.600	146.440.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	ACV	6.000	427.079.660	486.000.000	-	1.200	98.360.000	(8.360.000)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	AST	-	-	-	-	1.600	106.750.000	-
▪ Tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt	BID	40.000	1.651.722.466	1.916.000.000	-	16.000	606.207.950	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế Kỷ	BVH	-	-	-	-	1.500	115.290.000	(12.390.000)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	CRE	-	-	-	-	4.000	99.630.000	(430.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	CTG	33.000	933.474.062	1.140.150.000	-	5.500	111.825.000	-
▪ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	DXG	-	-	-	-	12.400	175.735.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	GAS	7.000	565.293.981	606.200.000	-	4.500	459.628.269	(37.978.269)
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc	HPG	65.000	1.719.345.003	2.694.250.000	-	9.000	208.150.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Điền	KBC	12.800	188.967.994	312.320.000	-	10.800	168.570.000	(1.710.000)
▪ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	KDH	12.000	299.193.669	351.600.000	-	7.800	187.105.000	-
▪ Công ty Cổ phần may Sông Hồng	KSB	34.000	788.932.773	1.079.500.000	-	4.000	97.190.000	(29.190.000)
▪ Công ty Cổ phần may Sông Hồng	MSH	-	-	-	-	1.600	97.099.000	(26.219.000)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	31/12/2020				31/12/2019				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)									
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	MSN	-	-	-	-	2.200	168.692.857	124.300.000	(44.392.857)
▪ Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	PHR	11.000	628.240.884	693.000.000	-	2.400	173.830.000	91.680.000	(82.150.000)
▪ Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	-	-	-	-	2.000	124.191.667	112.000.000	(12.191.667)
▪ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW	-	-	-	-	7.500	97.500.000	85.875.000	(11.625.000)
▪ Công ty Cổ phần Phú Tài	PTB	3.000	185.513.828	184.800.000	(713.828)	1.500	106.400.000	105.000.000	(1.400.000)
▪ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	-	-	-	-	6.100	111.135.000	102.480.000	(8.655.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	12.000	493.511.171	587.400.000	-	3.200	118.402.743	116.160.000	(2.242.743)
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	-	-	-	-	1.500	384.260.000	342.000.000	(42.260.000)
▪ Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	11.000	268.678.184	352.000.000	-	7.200	165.161.000	127.440.000	(37.721.000)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	TIP	-	-	-	-	3.100	105.480.000	62.310.000	(43.170.000)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VCB	25.000	2.106.661.994	2.447.500.000	-	10.000	795.551.540	902.000.000	-
▪ Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	VEA	-	-	-	-	2.300	119.230.000	103.500.000	(15.730.000)
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	14.000	529.236.249	579.600.000	-	3.400	139.630.000	134.810.000	(4.820.000)
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	12.000	998.940.354	1.074.000.000	-	9.000	771.306.000	763.200.000	(8.106.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	VIC	5.000	559.381.233	541.000.000	(18.381.233)	4.200	514.900.000	483.000.000	(31.900.000)
▪ Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	-	-	-	-	400	53.160.000	58.480.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	4.700	483.600.014	511.360.000	-	3.000	370.160.000	349.500.000	(20.660.000)
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	20.000	514.602.742	650.000.000	-	6.000	116.000.000	120.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	12.000	373.306.992	376.800.000	-	8.400	295.370.000	285.600.000	(9.770.000)
▪ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	DHC	4.000	173.389.217	243.600.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	NTC	1.450	307.219.808	415.570.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	VTP	5.003	470.528.644	542.825.500	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel	LHG	7.000	245.517.725	240.100.000	(5.417.725)	-	-	-	-
▪ Tập đoàn Long Hậu									
▪ Tập đoàn Chứng khoán SSI	SSI	10.000	294.606.080	331.000.000	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	31/12/2020				31/12/2019				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)									
▪ Tập đoàn Sao Mai Group	ASM	8.000	124.343.674	135.200.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	HDC	4.000	142.298.122	147.800.000	-	-	-	-	-
▪ Tập đoàn Hoa Sen	HSG	10.000	228.091.625	221.500.000	(6.591.625)	-	-	-	-
Danh mục đầu tư do Công ty đứng tên									
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	TCB	-	-	-	-	80.000	1.811.528.730	1.884.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	-	-	-	-	54.115	1.399.670.750	1.488.162.500	-
▪ Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	FPT	-	-	-	-	58.000	3.319.041.827	3.381.400.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	MWG	-	-	-	-	33.000	3.976.773.743	3.762.000.000	(214.773.743)
▪ Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ	-	-	-	-	54.000	4.458.610.335	4.644.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	-	-	-	-	216.000	4.674.439.200	4.492.800.000	(181.639.200)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	-	-	-	-	80.000	3.177.892.050	3.692.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VCB	-	-	-	-	55.000	4.484.451.317	4.961.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do Công ty đứng tên									
▪ Công ty Sakkara Asia Pacific Project Holdings and Investment Real Estate	SAKKARA	-	-	-	-	1.898.650	58.697.101.513	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Vexere	Vexere	2.368	8.696.553.037	Chưa xác định	Chưa xác định	3.014	11.433.677.552	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần So sánh Việt Nam	VNC	-	-	-	-	116.559	10.592.852.464	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tiki	Tiki	696.557	6.663.113.666	Chưa xác định	Chưa xác định	696.557	6.663.113.666	Chưa xác định	Chưa xác định

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	31/12/2020				31/12/2019				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪	CTCP Tài Nguyên Masan	70.000	7.125.096.607	7.096.182.870	(28.913.737)	70.000	7.113.598.800	7.114.488.500	-
▪	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	75.000	7.663.648.706	7.663.648.725	-	75.000	7.646.143.950	7.663.648.725	-
▪	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	20.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	90	8.845.618.726	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	3.000	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12	5.400.000.000	-	-	1	8.000.000.000	-	-
▪	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á châu	3	3.000.000.000	-	-	1	3.500.000.000	-	-
▪	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	1	700.000.000	-	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪	Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	7	7.000.000.000	-	-	7	7.000.000.000	-	-
▪	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	7.500	7.500.000.000	-	-	7.500	7.500.000.000	-	-
▪	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	-	7	7.031.357.123	-	-
			88.926.163.785				172.610.280.134		



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Mệnh giá của các cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Trái phiếu chưa niêm yết	12.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	9.100.000.000	11.500.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	14.500.000.000	21.531.357.123
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.989.250.000	27.147.800.000
	<hr/>	<hr/>
	42.589.250.000	60.179.157.123
	<hr/>	<hr/>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

22. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phải thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	1.980.080.700	-
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	1.163.104.109	3,356,164
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	1.079.560.959	217,658,219
Cổ tức phải thu	92.900.000	34,983,200
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng	60.605.480	924,695,891
Danh mục do Công ty đứng tên		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng	-	1,095,890
Cổ tức phải thu	-	44,000,000
	<hr/>	<hr/>
	4.376.251.248	1.225.789.364
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	152.514.461	107.777.351
Danh mục do Công ty đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	356.669.500	948.478.866
Phí lưu ký	4.350.286	7.427.909
	<hr/>	<hr/>
	513.534.247	1.063.684.126
	<hr/>	<hr/>

24. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	2020	2019
	VND	VND
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	84.459.585.630	79.504.927.318
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	1.322.159.311	2.181.109.007
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	3.600.205.226	10.217.768.531
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (iii)	1.189.707.964	387.390.341
	<hr/>	<hr/>
	90.571.658.131	92.291.195.197
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ VFMVF1, VFMVF4, VFMVFA, VFMVFB, VFMVSF (trước đây là VFMVEI), VFMVFC, FUEVFNND và E1VFN30 là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, quỹ VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2020 VND
VFMVF1	Quỹ đầu tư	Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013	537.324.983.242
VFMVF4	Quỹ đầu tư	Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013	452.374.061.555
VFMVFA	Quỹ đầu tư	Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	30.970.678
VFMVFB	Quỹ đầu tư	Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013	905.690.985.301
VFMVSF	Quỹ đầu tư	Số 31/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2018	11.810.841.053
VFMVFC	Quỹ đầu tư	Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019	2.636.232.386.421
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014	7.512.156.013.771
FUEVFNND	Quỹ hoán đổi danh mục	Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020	5.280.430.128.341

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ VFMVF1, VFMVF4, VFMVFB, VFMVSF (trước đây là VFMVEI), VFMVFC, FUEVFNVD và E1VFN30 như sau:

Quỹ	Phí quản lý
VFMVF1	1,95% giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVF4	1,93% giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVFB	1,00% giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVSF	0,75% giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVFC	1,20% giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFNVD	0,80% giá trị tài sản ròng mỗi năm

Theo Điều lệ của quỹ VFMVFA, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng tương đương một phần mười hai của 1,78% giá trị tài sản ròng của quỹ VFMVFA. Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư năm 2016 và Đại hội Nhà đầu tư bất thường năm 2017 vào ngày 13 tháng 2 năm 2017, Công ty đồng ý không nhận bất kỳ phí quản lý hàng tháng nào từ quỹ VFMVFA bắt đầu từ ngày 17 tháng 3 năm 2017.

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động. Phí thường hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thường hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vì các điều kiện không được đáp ứng (2019: không có).
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
VFMVF1	0,20% - 0,60% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVF4	0,20% - 0,60% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVFB	0,00% - 0,20% giá trị phát hành	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVFC	0,00% - 0,20% giá trị phát hành	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFNVD	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi từ trái phiếu	13.861.034.614	2.344.707.449
Lãi từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	6.445.483.808	6.804.304.574
Cổ tức được chia	345.800.000	687.457.800
Lãi từ bán cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	-	4.996.418.739
Lãi từ bán trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp	-	806.026.784
	<hr/>	<hr/>
	20.652.318.422	15.638.915.346
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lỗ từ bán cổ phiếu chưa niêm yết	9.914.178.409	13.993.971.200
Lỗ từ bán trái phiếu	4.564.426.888	1.553.297.200
Phí ngân hàng	72.392.091	80.639.850
Lỗ do thanh lý cổ phiếu niêm yết	-	565.194.297
Phí môi giới	-	164.204.581
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(751.703.961)
	<hr/>	<hr/>
	14.550.997.388	15.605.603.167
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	39.422.303.025	38.080.316.960
Chi phí văn phòng	14.399.664.231	13.188.088.495
Chi phí khấu hao	3.499.321.662	2.695.352.511
Chi phí giải trí	2.900.527.828	2.055.159.932
Chi phí giới thiệu khách hàng	2.715.642.510	4.672.801.797
Phí chuyên môn	1.841.130.462	3.907.968.900
Phí quảng cáo	1.791.181.562	4.056.449.910
Phí công tác và phí đi lại	1.761.996.696	4.119.537.576
Phí quà tặng	1.309.196.820	836.890.901
Chi phí mua thông tin	890.929.736	1.048.720.877
Phí huấn luyện và hội thảo	282.643.287	293.660.000
Trích lập dự phòng giảm giá tài sản dài hạn khác	-	10.000.000.000
Chi phí khác	84.135.333	288.663.907
	<hr/>	<hr/>
	70.898.673.152	85.243.611.766

28. Thu nhập khác

	2020	2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được từ bên đối tác	2.369.000.000	-
Thu được từ việc thanh lý tài sản cố định	400.000.000	-
Phí đại diện	231.525.000	91.853.226
	<hr/>	<hr/>
	3.000.525.000	91.853.226

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	3.371.245.328	3.524.057.422
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.119.302.189	(1.868.200.322)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.490.547.517	1.655.857.100

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.774.831.013	7.172.748.836
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.754.966.203	1.434.549.767
Chi phí không được khấu trừ thuế	330.460.835	359.987.782
Thu nhập được miễn thuế - cổ tức	(69.160.000)	(137.491.560)
Ưu đãi thuế (*)	(1.445.653.124)	-
Biến động của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(80.066.397)	(1.188.889)
	<hr/>	<hr/>
	4.490.547.517	1.655.857.100

(*) Theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dưới 200 tỷ VND được giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp cho năm 2020.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2020 VND	2019 VND	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ VFMVFI	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	11.623.445.526 187.739.481 346.341.782	18.851.750.504 48.789.997 2.486.951.994	850.637.160 74.383.005 20.031.776	1.365.407.189 6.212.151 18.849.110
▪ VFMVF4	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	9.082.914.539 222.868.174 1.084.691.790	15.302.222.055 56.778.192 3.922.846.349	745.943.764 26.266.000 219.235.180	1.020.678.576 4.220.000 79.887.061
▪ VFMVFB	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	6.964.731.802 321.770.309 1.692.629.474	5.473.044.369 273.600.537 3.679.809.089	752.122.398 23.287.199 133.271.965	421.323.975 1.739.067 194.982.286
▪ E1VFN30	Phí quản lý	39.037.447.927	38.783.356.910	3.919.072.787	3.558.834.275
▪ VFMVSF	Phí quản lý Phí phát hành	6.792.246.698 456.000.000	535.636.966 -	1.624.754.218 150.000.000	32.651.691 -
▪ VFMVFC	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	236.138.962 1.330.000 466.593.477	558.916.514 8.221.615 128.161.099	(241.722.130) 2.000 5.164.742	68.725.178 20.000 11.867.331
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý Phí mua lại	10.722.660.176 9.948.703	- -	2.974.769.149 -	- -
Công ty liên quan khác					
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets	Phí quản lý	64.377.748	1.029.486.383	-	77.769.261

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

31. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24.284.283.496 VND (2019: 5.516.891.736 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.477.203 cổ phiếu (2019: 21.477.203 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	24.284.283.496	5.516.891.736

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	21.477.203	21.477.203
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	21.477.203	21.477.203

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.131	257

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

32. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến đến đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	117.181.415.833	39.568.229.343
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	(iii)	25.786.343.318	105.690.059.364
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	(iii)	130.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	(iv)	-	19.892.371.995
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iv)	12.028.125.304	7.841.654.107
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	4.088.389.039	3.096.630.223
Phải thu dài hạn khác	(v)	10.000.000.000	10.000.000.000
		<hr/>	<hr/>
		299.084.273.494	186.088.945.032

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp do các tổ chức uy tín phát hành. Ban Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp này và tin rằng các tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ bán chứng khoán, phải thu hoạt động quản lý quỹ, và phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Các khoản phải thu từ bán chứng khoán phản ánh các giao dịch bán chứng khoán chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn và bị tổn thất tại các ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(v) Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác là được quyền chuyển nhượng từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14. Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	3.650.789.884	3.650.789.884	3.650.789.884
Chi phí phải trả	8.905.250.520	8.905.250.520	8.905.250.520
Phải trả ngắn hạn khác	2.638.975.603	2.638.975.603	2.638.975.603
	15.195.016.007	15.195.016.007	15.195.016.007

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	1.355.335.664	1.355.335.664	1.355.335.664
Chi phí phải trả	14.892.366.977	14.892.366.977	14.892.366.977
Phải trả ngắn hạn khác	2.113.327.359	2.113.327.359	2.113.327.359
	18.361.030.000	18.361.030.000	18.361.030.000

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	3.181.415.833	1.768.229.343
Các khoản tương đương tiền	114.000.000.000	37.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	155.786.343.318	105.690.059.364



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(iii) *Rủi ro giá cổ phiếu*

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi	30.000.000.000	30.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	125.786.343.318	125.786.343.318	55.690.059.364	56.366.775.000
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn	15.655.640.000	17.690.400.000	99.761.559.753	113.059.155.900
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	117.317.339.520	117.317.339.520	39.707.409.422	39.707.409.422
▪ Phải thu khách hàng	-	-	19.892.371.995	19.892.371.995
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	12.028.125.304	12.028.125.304	7.841.654.107	7.841.654.107
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.088.389.039	4.088.389.039	3.096.630.223	3.096.630.223
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(3.650.789.884)	(3.650.789.884)	(1.355.335.664)	(1.355.335.664)
▪ Chi phí phải trả	(8.905.250.520)	(8.905.250.520)	(14.892.366.977)	(14.892.366.977)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(2.638.975.603)	(2.638.975.603)	(2.113.327.359)	(2.113.327.359)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán và chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá trị hợp lý là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc